

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01- 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Văn Bách;
- Ông Vàng A Lù.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2024/TLST - HNGĐ, ngày 18/10/2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXX ST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 04/2025/TB-TA ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và Bản tự khai, chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn V kết hôn và có đăng ký vào ngày 12/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V cờ bạc, rượu chè, đã bỏ đi làm ăn xa không bàn bạc gì với chị T từ năm 2018 đến năm 2024 mới quay về. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn,

tình cảm không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Phương A, sinh ngày 04/02/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Sau ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh, Trưởng thôn Khe Địa, xã C cho biết: Chị T và anh V kết hôn có đăng ký vào năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xã T, huyện V. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, không có nhà ở ổn định, anh V có một thời gian đi làm ăn xa dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ năm 2018. Ngoài ra anh V cũng có rượu chè dẫn đến vợ chồng xích mích, cãi vã. Chị T và anh V có 01 con chung là Hoàng Phương A sinh ngày 04/02/2017, hiện nay tại địa phương anh V không có công việc và nhà ở ổn định, cháu Phương A sinh sống cùng chị T.

Tại bản sao kê tài khoản của Ngân hàng S tên khách hàng Trần Thị T thể hiện lương từ Công ty R tháng 7 đến tháng 9-2024 trung bình là 8.500.000 đồng/01 tháng.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung, cháu Hoàng Phương A có nguyện vọng muốn ở với mẹ Trần Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T: Xử cho chị T được ly hôn anh V; về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương A, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Văn V đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa Thông báo mở lại phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh V vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Trần Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 12/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V cờ bạc, rượu chè, đã bỏ đi làm ăn xa không bàn bạc gì với chị T từ năm 2018 đến năm 2024 mới quay về. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, không có sự chia sẻ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Phương A, sinh ngày 04/02/2017. Sau ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Anh Vĩnh hiện ở địa phương không có công việc và nhà ở ổn định. Cháu Phương A có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Chị T hiện nay có công việc làm và có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Phương A, sinh ngày 04/02/2017, anh Hoàng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và án phí, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2024/0000828 ngày 18/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, hoặc yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thịnh (số ĐKKH 01/2017)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long